

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2017 cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 07/6/2013 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Quy định chi tiết một số nội dung thực hiện Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 29/11/2016 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 2320/STC-TCDN ngày 31/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2017 cho Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Gia Lai như sau:

I. Kế hoạch sản xuất năm 2017:

- Tổng diện tích tưới năm 2017: 28.536,98 ha, gồm:
 - Lúa, màu: 23.480,79 ha (lúa: 19.249,62 ha, màu: 4.231,17 ha);
 - Cây công nghiệp: 4.957,59 ha (cà phê: 4.581,80 ha, tiêu: 186,79 ha, cỏ chăn nuôi công nghiệp: 159 ha, chè: 30 ha);
 - Ao nuôi trồng thủy sản: 98,6 ha.
- Diện tích miễn thu thủy lợi phí: 28.170,15 ha, trong đó:
 - Lúa, màu: 23.460,79 ha (lúa: 19.249,6 2ha, màu: 4.211,17 ha);
 - Cây công nghiệp: 4.612,76 ha (cà phê: 4.398,4 7ha, tiêu: 184,29 ha, chè: 30 ha);

- Ao nuôi trồng thủy sản: 96,6 ha.

II. Kế hoạch Tài chính năm 2017:

1. Doanh thu Quản lý khai thác: 34.305.000.000 đồng.
2. Thủy lợi phí và khai thác tổng hợp phải thu: 6.094 triệu đồng.
3. Thủy lợi phí được miễn: 28.211 triệu đồng (Theo điểm 4, điều 19 Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ).

III. Tổng kinh phí đề nghị Trung ương cấp bù: 28.211 triệu đồng (Thủy lợi phí được miễn thu theo Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012).

IV. Kinh phí sửa chữa thường xuyên công trình từ nguồn thủy lợi phí: 5.000.000.000 đồng (có Biểu chi tiết giao kế hoạch kinh tế-xã hội năm 2017 cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai kèm theo).

V. Hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi: 3.600 triệu đồng (Theo quy định tại điểm đ, khoản 2 điều 26, Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ. Hỗ trợ quỹ khen thưởng và phúc lợi chỉ thực hiện sau khi báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định; kinh phí hỗ trợ sẽ cân đối nguồn ngân sách tỉnh bố trí và không cao hơn kế hoạch).

Điều 2. Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Gia Lai có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch kinh tế- xã hội năm 2017 đã được UBND tỉnh giao cho đơn vị theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Ủy quyền cho Liên Sở: Tài chính-Kế hoạch và Đầu tư thông báo các chỉ tiêu kế hoạch và hướng dẫn cụ thể hóa các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Gia Lai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c)
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh
- Lưu VT, KT, TH, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

W. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoàng

Biểu 3 **KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2017 CHO CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUYẾT LỢI GIA LAI**



Được ban hành theo Quyết định số 94L/QĐ-UBND ngày 15 tháng năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TỈNH	KẾ HOẠCH	GHI CHÚ
I. Doanh thu quản lý khai thác	Triệu đồng	34.305	
1. Doanh thu phải thu Thủy lợi phí và khai thác tổng hợp	Triệu đồng	6.094	
2. Doanh thu từ Thủy lợi phí được miễn	Triệu đồng	28.211	<i>Miễn thủy lợi phí theo điểm 4, Điều 19 Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012</i>
II. Tổng kinh phí đề nghị Trung Ương cấp bù	Triệu đồng	28.211	<i>Theo Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012</i>
III. Sửa chữa công trình thủy lợi từ nguồn thủy lợi phí	Triệu đồng	5.000	<i>Theo Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012</i>
IV. Hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi	Triệu đồng	3.600	<i>Theo quy định tại điểm đ, khoản 2 điều 26 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ và Nghị định 91/2015/NĐ-CP</i>

Ghi chú: Hỗ trợ Quỹ khen thưởng, phúc lợi chỉ thực hiện sau khi báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định, kinh phí hỗ trợ sẽ căn cứ trên cân đối nguồn NS tỉnh bố trí và không cao hơn kế hoạch./.



**Biên 1: GIAO KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2017 CHO CÔNG TY TNHH MTV
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI GIA LAI**

*(Bản hoạch kèm theo Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	GHI CHÚ
I	Tổng diện tích tưới	Ha	28.536,98	
1	Lúa, màu	ha	23.480,79	
2	Cây công nghiệp	ha	4.957,59	
3	Ao nuôi trồng thủy sản	ha	98,60	
II	Diện tích miễn thủy lợi phí	Ha	28.170,15	
1	Lúa, màu	ha	23.460,79	
a	Lúa	ha	19.249,62	
b	Màu	ha	4.211,17	
2	Cây công nghiệp	ha	4.612,76	
a	Cà phê	ha	4.398,47	
b	Hồ tiêu	ha	184,29	
c	Chè	ha	30	
3	Ao nuôi trồng thủy sản	ha	96,60	
III	Diện tích phải thu thủy lợi phí	Ha	366,83	



Biểu 2. DIỆN TÍCH TƯỚI THEO BIỆN PHÁP CÔNG TRÌNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI GIA LAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

1. Diện tích miễn thu thủy lợi phí:

STT	Tưới theo biện pháp công trình	Diện tích (ha)	Mức thu (đồng/ha)	Thành tiền (đồng)
	Tổng cộng	28.170,15		28.210.773.340
1	Cấp nước cây cà phê	4.398,47	912.000	4.011.404.640
2	Cấp nước cây tiêu	184,29	912.000	168.072.480
3	Cấp nước cây Chè	30,00	912.000	27.360.000
4	Lúa Trọng lực kết hợp động lực (bơm)	605,36	1.385.000	838.423.600
5	Lúa tự chảy	18.584,083	1.140.000	21.185.854.620
6	Màu tự chảy	3.445,17	456.000	1.570.997.520
7	Lúa tạo nguồn	60,18	456.000	27.442.080
8	Màu tạo nguồn	766,00	182.400	139.718.400
9	Cấp nước ao nuôi trồng thủy sản	96,60	2.500.000	241.500.000

2. Diện tích phải thu thủy lợi phí: 366,83 ha.

STT	Tưới theo biện pháp công trình	Diện tích (ha)	Mức thu (đồng/ha)	Thành tiền (đồng)
	Tổng cộng	366,83		323.132.960
1	Cấp nước tưới cây cà phê	63,33	912.000	57.756.960
2	Cấp nước tưới cây cỏ công nghiệp	69,00	912.000	62.928.000
3	Cấp nước tưới cây cà phê thu TLP	70,00	912.000	63.840.000
4	Cấp nước tưới cây cà phê thu TLP	50,00	912.000	45.600.000
5	Cấp nước tưới cây tiêu	2,50	912.000	2.280.000
6	Cấp nước tưới cây cỏ công nghiệp	17,00	912.000	15.504.000
7	Cấp nước tưới cỏ công nghiệp	73,00	912.000	66.576.000
8	Cấp nước ao nuôi trồng thủy sản	2,00	2.500.000	5.000.000
9	Tạo nguồn tưới hoa màu bằng trọng lực	20,00	182.400	3.648.000

(Handwritten signature)